

ĐIỀU LỆ ABBANK

BẢN DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I:	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	8
Điều 5. Nội dung hoạt động	9
Điều 6. Ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát	10
Điều 7. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK	11
Điều 8. Giao dịch điện tử, an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục	12
Điều 9. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản	12
CHƯƠNG II:	14
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	14
Mục 1:	14
VỐN ĐIỀU LỆ	14
Điều 10. Vốn điều lệ	14
Điều 11. Thay đổi vốn điều lệ	14
Mục 2:	15
CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	15
Điều 12. Cổ phần	15
Điều 13. Giới hạn sở hữu cổ phần	16
Điều 14. Chào bán, phát hành cổ phần	17
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần	17
Điều 16. Mua lại cổ phần	18
Điều 17. Thừa kế, tặng cho cổ phần	19
Điều 18. Chứng nhận cổ phiếu	19
Điều 19. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác	20
CHƯƠNG III:	20
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK	20
Mục 1:	20
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	20
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý	20
Điều 21. Hệ thống kiểm soát nội bộ	20
Điều 22. Kiểm toán nội bộ	21
Điều 23. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	21
Điều 24. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	23
Điều 25. Đương nhiên mất tư cách	24
Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	25

Điều 27. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	25
Điều 28. Việc bầu, bổ nhiệm	26
Điều 29. Cung cấp, công bố công khai thông tin.....	27
Điều 30. Nghĩa vụ tuân thủ, trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK	29
Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường.....	30
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	30
Mục 2: 31	
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Điều 33. Cổ đông.....	31
Điều 34. Quyền của cổ đông.....	32
Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông	33
Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền	34
Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông.....	35
Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.....	35
Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.....	37
Điều 40. Cổ đông dự họp, uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	40
Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	42
Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông	42
Điều 43. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	43
Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	44
Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	45
Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông....	48
Điều 47. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	49
Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	53
Mục 3: 54	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	54
Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	54
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	55
Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị	56
Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	59
Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	60
Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.....	61
Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị.....	62
Điều 57. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị.....	66
Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty	66
Mục 4: 68	
BAN KIỂM SOÁT	68
Điều 59. Ban Kiểm soát.....	68
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	69
Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	71
Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	72
Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	72

Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát.....	72
Mục 5: 75	
TỔNG GIÁM ĐỐC.....	75
Điều 65. Tổng Giám đốc.....	75
Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	76
Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý.....	77
Mục 6: 78	
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	78
Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	78
Mục 7: 78	
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	78
Điều 69. Người lao động và công đoàn	78
CHƯƠNG IV:.....	79
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	79
Mục 1: 79	
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN.....	79
Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính.....	79
Điều 71. Hạch toán kế toán.....	79
Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.....	79
Điều 73. Kiểm toán độc lập.....	80
Điều 74. Sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ an toàn và dự phòng rủi ro.....	81
Mục 2: 82	
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	82
Điều 75. Trích lập các quỹ.....	82
Điều 76. Chia cổ tức	82
Mục 3: 83	
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	83
Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin	83
Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin	84
Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu	84
CHƯƠNG V:.....	85
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....	85
Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	85
Điều 81. Tổ chức lại.....	86
Điều 82. Giải thể	86
Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt	87
Điều 84. Phá sản	87
CHƯƠNG VI:.....	87
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	87
Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ	87
Điều 86. Điều khoản cuối cùng	88

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Pháp luật*: bao gồm Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) *Luật Các tổ chức tín dụng*: là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/20124 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.
 - c) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; đã được sửa đổi bổ sung ngày 11/01/2022, nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022.
 - d) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ 01/01/2021; đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024, các nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.
 - e) *Ngân hàng Nhà nước* hoặc *NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - f) *ABBANK/Ngân hàng An Bình*: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
 - g) *Cổ đông*: là cá nhân hay tổ chức sở hữu một hoặc một số cổ phần của ABBANK.
 - h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
 - i) *Cổ phiếu*: là chứng chỉ do ABBANK phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần ABBANK.
 - j) *Người điều hành ABBANK*: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của ABBANK¹ (Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).
 - k) *Người quản lý ABBANK*: bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.²

¹ Điều 4.25 Luật Các TCTD.

² Điều 4.26 Luật Các TCTD.

- l) *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - (v). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
 - (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động

của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa về Người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp³ phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

- m) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Kiểm toán Nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.⁴
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật hay vì bất kỳ lý do nào mà quy định của Điều lệ này khác với quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng của pháp luật về cùng một vấn đề thì quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề đó đương nhiên được ưu tiên áp dụng.
 3. Các tiêu đề của Chương, Mục, Điều trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng tới nội dung quy định của chúng.
 4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993 và Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép số 120/GP-NHNN (gọi tắt là Giấy phép).

³ Điều 4.24 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 và Điều 4.23 Luật Doanh nghiệp; Điều 4.46 Luật Chứng khoán.

⁴ Điều 4.45 Luật Chứng khoán

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH.
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.
 - c) Tên viết tắt tiếng Việt: Ngân hàng An Bình.
 - d) Tên viết tắt tiếng Anh: ABBANK.
 - e) Mã chứng khoán: ABB.
2. ABBANK là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà GELEXIMCO, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 84-24-37612888 Fax: 84-24-35190416 Website: www.abbank.vn
4. Thời hạn hoạt động: Chín mươi chín (99) năm kể từ ngày 15/4/1993 và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.
5. Dấu của ABBANK bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của ABBANK, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của ABBANK (nếu có). Việc quản lý, sử dụng dấu của ABBANK thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của ABBANK.

6. ABBANK mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
7. ABBANK có thể thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của ABBANK theo quyết định của Hội đồng Quản trị và phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁵

1. ABBANK có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác

⁵ Điều 11 Luật Các TCTD, Điều 12 Luật Doanh nghiệp; Điều 3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

thay thế thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của ABBANK. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho ABBANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ABBANK, đại diện cho ABBANK với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK có các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của ABBANK;
 - b) Trung thành với lợi ích của ABBANK; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ABBANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật; và
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
4. ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của ABBANK trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu của ABBANK là trở thành một ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam; mang lại trải nghiệm và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông; phát triển đội ngũ chuyên nghiệp và có đạo đức, bảo đảm quyền lợi cho người lao động; góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và cộng đồng.
2. ABBANK hoạt động kinh doanh tiền tệ, dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật.

3. ABBANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình⁶.

Điều 5. Nội dung hoạt động⁷

Nội dung hoạt động của ABBANK bao gồm:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế; thư tín dụng; mua bán nợ; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn và mua bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
8. Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
9. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
10. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật.

⁶ Điều 7.1 Luật Các TCTD

⁷ Điều 107 đến 114 Luật Các TCTD; Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của NHNN cấp cho ABBANK.

11. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật về ngoại hối, pháp luật khác có liên quan và quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
13. Thực hiện các dịch vụ sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản; mua bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua bán giấy tờ có giá khác; môi giới tiền tệ; dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo Giấy phép.
14. Mua bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; phát hành trái phiếu; lưu ký chứng khoán; nghiệp vụ ngân hàng giám sát; đại lý quản lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
15. Ví điện tử.
16. Các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Nội dung hoạt động cụ thể của ABBANK trong từng thời kỳ căn cứ Giấy phép được cấp, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát⁸

1. Căn cứ vào quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, ABBANK phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của ABBANK, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.
2. ABBANK phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:
 - a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;

⁸ Điều 101 và Điều 106 Luật Các TCTD

- b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;
 - c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
 - d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;
 - e) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của ABBANK;
 - f) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;
 - g) Quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
 - h) Phòng, chống rửa tiền;
 - i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.
3. ABBANK phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành.
4. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng là môi trường thử nghiệm việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện. Việc ABBANK tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng do Hội đồng Quản trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trên cơ sở đáp ứng điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định chi tiết của Chính phủ.

Điều 7. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK⁹

- 1. ABBANK được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ABBANK phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2. ABBANK có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.
- 3. ABBANK phải thực hiện các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cơ chế xác định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng.

⁹ Điều 100 Luật Các TCTD

Điều 8. Giao dịch điện tử, an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục¹⁰

1. Hoạt động giao dịch của ABBANK bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo đảm an toàn và bảo mật.
2. ABBANK phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản¹¹

1. ABBANK chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này
2. ABBANK phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. ABBANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. ABBANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a Khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

¹⁰ Điều 14, Điều 105 và Điều 140 Luật Các TCTD

¹¹ Điều 111, Điều 137, Điều 139, Điều 142 và Điều 144.3 Luật Các TCTD

5. ABBANK thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của ABBANK; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của ABBANK và hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ABBANK trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. ABBANK thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. ABBANK, công ty con của ABBANK được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
9. Mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK và các công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Mức góp vốn, mua cổ phần này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.

Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ABBANK theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ABBANK.

10. ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần trong các trường hợp sau đây:
 - a) ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của ABBANK;
 - b) ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Người có liên quan của cổ đông lớn của ABBANK;
 - c) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK không được mua cổ phần của ABBANK;
 - d) ABBANK đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát, công ty con, công ty liên

kết khác của công ty kiểm soát đó, trừ trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

11. ABBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ABBANK;
- b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ABBANK chưa sử dụng hết;
- c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ABBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a Khoản này và bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định (tính theo giá trị còn lại của tài sản cố định) không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 10. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của ABBANK là: 10.350.367.620.000 đồng (mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).
2. Vốn điều lệ của ABBANK được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. ABBANK phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định.

Điều 11. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của ABBANK (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Vốn điều lệ của ABBANK có thể được tăng từ các nguồn và cách thức sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối;

- b) Chào bán thêm cổ phần (chào bán cho cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ);
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - d) Các nguồn, cách thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của ABBANK:
- a) ABBANK mua lại, thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - b) Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
5. Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để ABBANK thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. ABBANK phải thực hiện đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thông tin trong Điều lệ của ABBANK khi có sự thay đổi vốn điều lệ.

Mục 2: CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 12. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của ABBANK được chia thành 1.035.036.762 (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) cổ phần. Mỗi cổ phần ABBANK có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng.
2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của ABBANK là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của ABBANK là cổ đông phổ thông.
3. Trường hợp cần thiết, ABBANK có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 13. Giới hạn sở hữu cổ phần¹²

1. Một cổ đông là cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.
2. Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.
3. Cổ đông và Người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK. Cổ đông lớn của ABBANK và Người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Khoản này bao gồm cả cổ phần do cổ đông uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của Người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại các công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 5 Điều này.
 - c) Các trường hợp đặc biệt khi Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao bắt buộc quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 159, điểm h Khoản 1 Điều 171, Khoản 2 điều 177 và điểm b Khoản 1 Điều 185 Luật Các tổ chức tín dụng.
 - d) Kể từ ngày 01/7/2024 (ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành), cổ đông, cổ đông và Người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.¹³
5. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK là 16,5% vốn điều lệ ABBANK. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và Người có liên quan của nhà đầu tư đó tại ABBANK; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ABBANK thực hiện theo quy định chung của Chính phủ.

¹² Điều 63 Luật Các TCTD

¹³ Điều 210.11 Luật Các TCTD

6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện chuyển đổi và chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.¹⁴

Điều 14. Chào bán, phát hành cổ phần¹⁵

1. Việc chào bán, phát hành cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông trong ABBANK, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác. Việc chào bán, phát hành cổ phần phải bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 12 Điều lệ này.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi tiền mua cổ phần được thanh toán đủ và các thông tin họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu đối với người nước ngoài (sau đây gọi chung là số đăng ký sở hữu) của người mua là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập (sau đây gọi chung là số đăng ký sở hữu) của người mua là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; ngày đăng ký cổ phần được ghi vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần là cổ đông sở hữu số cổ phần đã mua.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần¹⁶

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi cổ phần ABBANK được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển quyền sở hữu cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để

¹⁴ Điều 13 Thông tư 01/2021/TT-NHNN

¹⁵ Điều 64 Luật TCTD; Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP (về chào bán, phát hành)

¹⁶ Điều 37 và Điều 64 Luật Các TCTD; Điều 127 Luật Doanh nghiệp; Điều 9 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ các trường hợp cá nhân này:
 - a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
 - b) Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 16. Mua lại cổ phần¹⁷

1. ABBANK mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ABBANK được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành.
2. ABBANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ABBANK.
3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của ABBANK giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì ABBANK phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ

¹⁷ Điều 65 Luật Các TCTD; Điều 36, Điều 37 Luật Chứng khoán; Điều 132, Điều 133 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp

ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.¹⁸

Điều 17. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Việc thừa kế, tặng cho cổ phần, sử dụng cổ phần để trả nợ thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông của ABBANK, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tính trên số cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế, nhận tặng cho, nhận trả nợ bằng cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của ABBANK không đương nhiên được kế thừa quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 18. Chứng nhận cổ phiếu¹⁹

1. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với phần vốn cổ phần tại ABBANK. Cổ đông ABBANK được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu ABBANK là cổ phiếu có ghi tên được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu ABBANK phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán, phát hành hoặc thời hạn cụ thể khác theo quy định của điều khoản phát hành, cổ đông sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì ABBANK cấp lại theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về chứng chỉ cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới.

¹⁸ Điều 134.3 và Điều 134.4 Luật Doanh nghiệp

¹⁹ Điều 66 Luật Các TCTD; Điều 121 Luật Doanh nghiệp

Điều 19. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác

Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và chứng chỉ chứng khoán khác của ABBANK được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK

Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý²⁰

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của ABBANK bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Điều 21. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của ABBANK và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
2. ABBANK phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu và ABBANK phải thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ.²¹
4. ABBANK xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ

²⁰ Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp; Điều 11 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

²¹ Điều 57.3 Luật Các TCTD

trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Kiểm toán nội bộ²²

1. ABBANK phải thành lập Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ ABBANK.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ABBANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ABBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ABBANK.
4. Ban Kiểm soát quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ.

Điều 23. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ²³

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của ABBANK:
 - a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát ABBANK theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ

²² Điều 58.3 Luật Các TCTD

²³ Điều 42 của Luật Các TCTD.

sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK;

2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ABBANK và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của ABBANK;
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương của ABBANK:
 - a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của ABBANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Điều lệ này;
 - f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an

toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 24. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ²⁴

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK:

- a) Không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK và của tổ chức tín dụng khác;
- b) Không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập:

- a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của ABBANK;
- b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
- c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của ABBANK:

- a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK;
- b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
- c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

- a) Người quản lý, người điều hành của ABBANK, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK;

²⁴ Điều 43 Luật Các TCTD.

- b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- 5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc ABBANK là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK.

Điều 25. Đương nhiên mất tư cách²⁵

- 1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của ABBANK khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi ABBANK bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - f) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
 - g) Chết.
- 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách gửi Ngân hàng Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
- 3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

²⁵ Điều 45 Luật Các TCTD.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm²⁶

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của ABBANK;
 - b) Bãi nhiệm khi Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban Kiểm soát không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 51; Khoản 6 Điều 59; Khoản 4 Điều 65 Điều lệ này;
 - d) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc ABBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 27. Đình chỉ, tạm đình chỉ²⁷

1. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; người điều hành của ABBANK có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ban kiểm soát đặc biệt (trong trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt) nếu xét thấy cần thiết theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của ABBANK hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

²⁶ Điều 46 Luật Các TCTD.

²⁷ Điều 47 Luật Các TCTD.

Điều 28. Việc bầu, bổ nhiệm

1. Việc bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK được thực hiện như sau:
 - a) Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm. Những người được bầu, bổ nhiệm cho các chức danh này phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - b) ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.²⁸
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ứng viên được đề cử phải hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo thông báo và hướng dẫn của Hội đồng Quản trị để xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận để bầu, ABBANK phải công bố ngay các thông tin liên quan đến ứng viên trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên được công bố bao gồm: họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ chuyên môn; quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại công ty khác); lợi ích có liên quan tới ABBANK và tới các bên có liên quan của ABBANK; các thông tin liên quan khác có trong hồ sơ ứng viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK và quy định của pháp luật có liên quan.

²⁸ Điều 44 Luật Các TCTD.

6. ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 29. Cung cấp, công bố công khai thông tin²⁹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và Người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
 - c) Thông tin về Người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
 - d) Thông tin về Người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin
 - e) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a, b, c and d Khoản này).
2. Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây:
 - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về Người có liên quan theo quy định tại điểm c và d Khoản 1 Điều này;

²⁹ Điều 48.7, Điều 49 Luật Các TCTD, Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 291.3 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại ABBANK;

d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Người có liên quan của mình tại ABBANK.

3. Đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi ABBANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho ABBANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và Người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK so với lần cung cấp liên trước.

4. ABBANK phải lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của ABBANK và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, ABBANK công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d Khoản 1 và các điểm a, c, d Khoản 2 Điều này với Đại hội đồng Cổ đông ABBANK.
5. ABBANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK và thông tin quy định tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của ABBANK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp.
6. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận³⁰.
7. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phải được công khai trong ABBANK³¹. ABBANK phải thực hiện báo cáo về việc cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng cho Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.³²
8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

³⁰ Điều 48.7 Luật Các TCTD

³¹ Điều 135.3 Luật Các TCTD

³² Điều 13.3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 09/2024/TT-NHNN)

Điều 30. Nghĩa vụ tuân thủ, trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK³³

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK có nghĩa vụ:

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ABBANK theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK, cổ đông ABBANK.
4. Trung thành với lợi ích của ABBANK; chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ABBANK hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ABBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ABBANK, Cổ đông ABBANK.
5. Bảo đảm việc lưu trữ hồ sơ của ABBANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ABBANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ABBANK.
7. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc Người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của ABBANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ABBANK.
9. Không được tăng thù lao, lương, hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ABBANK bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

³³ Điều 48 Luật các TCTD; Điều 165 Luật Doanh nghiệp; Điều 291.2 và 291.5 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

11. Thực hiện các nghĩa vụ, yêu cầu khác có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành của ABBANK phải có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của ABBANK trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. ABBANK bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ nhân viên ABBANK.
3. ABBANK có thể mua bảo hiểm trách nhiệm của Người quản lý, Người điều hành ABBANK. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ABBANK³⁴.

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác³⁵

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao và cơ chế thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông báo mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, thưởng, lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.
2. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ trên cơ sở nguyên tắc gắn với trách nhiệm được giao, kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân và kết quả kinh doanh của ABBANK.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

³⁴ Điều 28.6 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

³⁵ Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.

được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của ABBANK và phải báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác theo quy định của ABBANK khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Mục 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 33. Cổ đông

1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần ABBANK, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm giữ. ABBANK phải có ít nhất 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp ABBANK được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan vào Sổ đăng ký cổ đông của ABBANK.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại ABBANK được thực hiện theo quy định dưới đây và các quy định pháp luật khác có liên quan³⁶:
 - a) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - b) Một cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền (trường hợp phát sinh cổ phiếu lẻ thì phần lẻ cổ phiếu không tính). Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến ABBANK và chỉ có hiệu lực đối với ABBANK kể từ ngày ABBANK nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ

³⁶ Điều 14 Luật Doanh nghiệp

yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số cổ phần/tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của từng người đại diện theo ủy quyền
- Thời hạn ủy quyền. Trường hợp không ghi thời hạn thì việc ủy quyền có hiệu lực kể từ thời điểm ABBANK nhận được văn bản ủy quyền cho đến thời điểm ABBANK nhận được văn bản chấm dứt ủy quyền.
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại ABBANK.

Điều 34. Quyền của cổ đông³⁷

1. Cổ đông có các quyền tương ứng theo số cổ phần sở hữu. Cổ đông phổ thông của ABBANK có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong ABBANK trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy

³⁷ Điều 61 Luật TCTD.

định giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

- d) Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của ABBANK hoặc tổ chức, cá nhân khác phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại ABBANK khi ABBANK giải thể hoặc phá sản;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát ABBANK;
 - j) Được đối xử bình đẳng; được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do ABBANK công bố theo quy định của pháp luật; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;³⁸
 - k) Quyền khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyền khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.

Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông³⁹

- 1. Cổ đông có các nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần sở hữu. Cổ đông phổ thông ABBANK có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do ABBANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ABBANK trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào ABBANK;

³⁸ Điều 41.1 Luật Chứng khoán; Điều 12 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

³⁹ Điều 62 Luật các TCTD; Điều 119 Luật Doanh nghiệp.

- b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ABBANK dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ABBANK, trừ trường hợp được ABBANK mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 65 Luật Các tổ chức tín dụng.
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại ABBANK; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần ABBANK; không được góp vốn, mua cổ phần ABBANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d) Tuân thủ Điều lệ này và các quy định nội bộ của ABBANK;
 - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh ABBANK dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g) Bảo mật thông tin được ABBANK cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được ABBANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 - h) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của ABBANK, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - i) Nghĩa vụ khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho ABBANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong ABBANK. ABBANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền

1. Sổ đăng ký cổ đông:

- a) ABBANK lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này, để ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

- b) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK hoặc tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam khi cổ phần ABBANK được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam. ABBANK thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về danh sách cổ đông, cập nhật thay đổi số cổ phần sở hữu của cổ đông và các thông tin liên quan khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.
 - c) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với ABBANK để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. ABBANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
2. Lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông:
- a) Việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - b) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm lập là người được hưởng các quyền, quyền lợi của cổ đông.

Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn cụ thể quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁰

Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thông qua định hướng phát triển của ABBANK.

⁴⁰ Điều 67.3 Luật các TCTD.

2. Thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABBANK.
3. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK.
7. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK.
8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán, phát hành.
9. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán.
10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
11. Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng.
12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ABBANK.
13. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
14. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của ABBANK.
15. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
16. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.
18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.
19. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.
20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ABBANK.

Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁴¹

1. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b) Báo cáo kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm;
 - c) Các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - d) Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế;
 - e) Báo cáo về thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã thực hiện và đề xuất cho năm kế hoạch tiếp theo;
 - f) Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời

⁴¹ Điều 67.1, 67.2 Luật các TCTD; Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

hạn 90 (chín mươi) ngày⁴² kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
- b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông tại ABBANK⁴³.
- e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

5. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d Khoản 4 Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông:

- a) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết

⁴² Điều 50.2, Điều 51.6 Luật Các TCTD

⁴³ Điều 67.2(d) Luật Các TCTD

- kiểu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Thực hiện các công việc và trách nhiệm khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều này được ABBANK chi trả, hoàn trả. Chi phí này không bao gồm chi phí ăn ở và đi lại và những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành theo hình thức họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau kết nối qua hệ thống hội nghị truyền hình hoặc ứng dụng phần mềm được sử dụng. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (gọi tắt là họp trực tuyến) hoặc kết hợp giữa họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau và họp trực tuyến. Việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định và theo các nguyên tắc sau:
- a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp;
 - b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự họp trực tuyến tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp trực tuyến;
 - d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời;
 - e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam;

- f) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường;
- g) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến áp dụng tương tự quy định tại các Điều từ Điều 40 đến Điều 46 Điều lệ này;
- h) Dữ liệu đăng ký dự họp và biểu quyết của cổ đông họp trực tuyến là một bộ phận của dữ liệu, tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- i) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến khi công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 40. Cổ đông dự họp, uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁴

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Cổ đông là cá nhân; cổ đông là tổ chức thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật (trong trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Cổ đông uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Trường hợp cổ đông uỷ quyền cho nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã có văn bản uỷ quyền cho người đại diện quản lý phần vốn góp theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này thì người này đương nhiên là đại diện theo uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Trừ trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức

⁴⁴ Điều 144 Luật Doanh nghiệp

đương nhiên là đại diện theo uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ thông tin cổ đông, người được uỷ quyền, số lượng cổ phần được uỷ quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền;
 - b) Trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người được uỷ quyền dự họp;
 - d) Trường hợp luật sư hoặc người đã nhận uỷ quyền thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện tham dự họp thì việc chỉ định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư, người nhận uỷ quyền (nếu trước đó chưa đăng ký với ABBANK) trong đó có nội dung được uỷ quyền lại hoặc chỉ định tiếp cho người khác.
4. Người được uỷ quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
5. Trừ trường hợp ABBANK đã nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người uỷ quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c) Người uỷ quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁵

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông (ngày chốt danh sách cổ đông) tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày chốt danh sách dự kiến. Đồng thời, Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi văn bản cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để chuẩn bị danh sách cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của ABBANK. Trong thời gian cổ phiếu ABBANK được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày chốt danh sách là căn cứ để xác định quyền của cổ đông liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đó.
4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông có các thông tin họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu của cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
5. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁶

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ABBANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, số

⁴⁵ Điều 141 Luật Doanh nghiệp

⁴⁶ Điều 142 Luật Doanh nghiệp

đăng ký sở hữu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông nếu từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Vấn đề kiến nghị không đủ thời gian cần thiết để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục hoặc xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d) Kiến nghị không đủ căn cứ, chứng cứ cần thiết hoặc không vì lợi ích chung của ABBANK.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 43. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁷

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp, đồng thời được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, bảo đảm các yêu cầu:
 - a) Thời hạn chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi thành công qua thư điện tử (email) hoặc được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc ngày thông tin được công bố công khai);
 - b) Thông báo gửi cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm địa chỉ thư điện tử nếu cổ đông có đăng ký); có đầy đủ nội dung tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK; tên, số đăng ký sở hữu của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

⁴⁷ Điều 143 Luật Doanh nghiệp

- c) Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) và bao gồm:⁴⁸
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - e) Mẫu văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
3. Hội đồng Quản trị phải gửi thư mời đại diện tổ chức kiểm toán đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của ABBANK dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của ABBANK có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của ABBANK.

Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁹

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.

⁴⁸ Điều 18.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁴⁹ Điều 145 Luật Doanh nghiệp

Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông⁵⁰

1. Đăng ký dự họp:

- a) Trước giờ khai mạc cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
- b) Người đăng ký dự họp sau khi thực hiện xong thủ tục đăng ký được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát) trên đó có ghi thông tin số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó;
- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
- d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp Hội đồng Quản trị không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cuộc họp có quyền chỉ định thêm những người khác là thành viên

⁵⁰ Điều 146 Luật Doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tọa tham gia điều hành cuộc họp;

- d) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - e) Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông có thể bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, b, c, d, e và f Khoản 3 Điều 39 mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải xem xét tại cuộc họp thường niên theo quy định của pháp luật thì nội dung đó được đương nhiên thông qua trong chương trình cuộc họp trừ trường hợp 100% cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết không tán thành. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề hoặc nhóm vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp. Đối với mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông có quyền lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết là: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông quyết định thời hạn khác. Hình thức biểu quyết cụ thể như sau:
- a) Đối với các vấn đề nội dung nghị sự, cổ đông biểu quyết bằng cách ghi lựa chọn 1 trong 3 phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến tại Phiếu biểu quyết;

- b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông biểu quyết bằng phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu;
 - c) Đối với các vấn đề thể thức cuộc họp như thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu, thể lệ biểu quyết, chương trình nghị sự, biên bản cuộc họp, và các vấn đề khác, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc hình thức biểu quyết đơn giản khác theo 1 trong 3 lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, chủ tọa, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra, kiểm dịch hoặc các biện pháp cần thiết và hợp lý khác nhằm bảo đảm an ninh, an toàn và phòng chống dịch bệnh;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, an toàn, phòng chống dịch bệnh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp khác với quy định tại Điều này.

Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁵¹

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp phải thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các nội dung quy định tại các Khoản 1, 4, 6 và 18 Điều 38 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể gồm:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
 - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
 - d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.
3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 - b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với nội dung quy định tại các khoản 8, 16 và 18 Điều 38 Điều lệ này hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:
 - (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

⁵¹ Điều 67.4 Luật Các TCTD; Điều 147.2 Luật Doanh nghiệp

- (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- (iii) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- c) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc quy định tại quy chế bầu cử⁵².
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này⁵³.
5. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Trường hợp nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành⁵⁴.

Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁵⁵

⁵² Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp; Điều 67.4(d) Luật Các TCTD

⁵³ Điều 152.2 Luật Doanh nghiệp

⁵⁴ Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp; Điều 17.1 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁵⁵ Điều 149 Luật Doanh nghiệp

1. Trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK.
2. Hội đồng Quản trị phải bảo đảm thực hiện công bố thông tin theo quy định, lập danh sách cổ đông, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình và gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của ABBANK.
3. Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về ABBANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ABBANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến,

giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ABBANK. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi:
- a) Được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;
 - b) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:
 - (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông

ABBANK và được công bố thông tin theo quy định hiện hành. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.

10. Việc lấy ý kiến cổ đông có thể được thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định theo các quy định sau đây:

- a) Bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, f, g, h Khoản 9 Điều 39 Điều lệ này;
- b) Bảo đảm các yêu cầu tương tự về xin ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8 và 9 Điều này;
- c) Việc lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Khoản này có giá trị như việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị như được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn việc thực hiện lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm thông báo lấy ý kiến cổ đông.

Điều 48. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁶

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần, số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ

⁵⁶ Điều 150 Luật Doanh nghiệp

phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng cả tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Tất cả các nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; đồng thời phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Biên bản, Nghị quyết đó được thông qua. Việc gửi nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thì ABBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua.

Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁵⁷

1. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại

⁵⁷ Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 46 Điều lệ này;
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ⁵⁸

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị ABBANK phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ABBANK.
3. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không được làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 02 nhiệm kỳ liên tục nhằm tuân thủ quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 51 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

⁵⁸ Điều 50, 69 Luật Các TCTD, Điều 41.3(b) Luật Chứng khoán, Điều 276.4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 26.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Hội đồng Quản trị được sử dụng con dấu, bộ máy, phương tiện của Ngân hàng; có thể thuê dịch vụ tư vấn bên ngoài (kể cả chuyên gia nước ngoài) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
7. Bộ máy trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị gồm có Văn phòng Hội đồng Quản trị, các chức danh Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
8. Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó:
 - a) Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước⁵⁹;
 - b) Tuỳ theo yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, Hội đồng Quản trị thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban khác hoặc Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị ngoài 02 Ủy ban được quy định tại điểm a Khoản này.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁰

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước⁶¹;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của

⁵⁹ Điều 9.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

⁶⁰ Điều 41.1 và 41.2 Luật các TCTD

⁶¹ Thông tư 22/2018/TT-NHNN (được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 10/2024/TT-NHNN).

doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ABBANK; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK trong 3 (ba) năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK, ngoài những khoản thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty con của ABBANK;
 - d) Không phải là người đại diện sở hữu cổ phần tại ABBANK; không sở hữu hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK;
 - e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 (năm) năm liền kề trước đó.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁶²

Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
2. Quyết định cơ cấu tổ chức của ABBANK, việc thành lập, đóng cửa, chấm dứt hoạt động, thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ABBANK.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi

⁶² Điều 70 Luật Các TCTD; Điều 153 Luật Doanh nghiệp

ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác hoặc chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.

4. Cử người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thuộc trường hợp quy định tại các khoản 16 và 17 Điều 38 Điều lệ này; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt cho các cấp dưới đối với các giao dịch đầu tư, mua, bán tài sản cố định có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Thông qua việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan của Thống đốc ngân hàng Nhà nước⁶³; Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại ABBANK trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của ABBANK; Thông qua việc phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi); Quyết định các giao dịch ABBANK đi vay (trừ giao dịch đi vay liên ngân hàng) có giá trị từ 20%

⁶³ Điều 135.3 Luật Các TCTD

(hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và quy định việc phân cấp, phân quyền cho các cấp dưới quyết định các giao dịch vay và các giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
11. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua⁶⁴; Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của ABBANK phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ABBANK.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của ABBANK.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ABBANK.
16. Quyết định mua lại cổ phần của ABBANK theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
20. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

⁶⁴ Điều 270.2; Điều 278.4 và 278.6 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 27.2(q) Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

23. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật⁶⁵ và Điều lệ này.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶⁶

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c) Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét;
 - h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - i) Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
 - j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
 - k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - l) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

⁶⁵ Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 278.8, 278.9 và Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 27.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁶⁶ Điều 71 Luật các TCTD; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc các trường hợp khác Chủ tịch Hội đồng Quản trị không có khả năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁷

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ABBANK và cổ đông ABBANK; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ABBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị liên quan trong Ngân hàng nhằm thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị được phân công, phù hợp với quy định của Hội đồng Quản trị.
5. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường;
6. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình. Trường hợp

⁶⁷ Điều 72 Luật các TCTD. Điều 41.5 Luật Chứng khoán và Điều 159 Luật Doanh nghiệp

nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 52 Điều lệ này. Đối với các nội dung khác thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.⁶⁸
8. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
9. Giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp thành viên không có quyền biểu quyết về vấn đề đó.
2. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶⁹ hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước).
3. Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quy định cụ thể việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ này, gây thiệt hại cho ABBANK thì các thành viên đồng ý thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho ABBANK; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của ABBANK có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên⁷⁰.

⁶⁸ Điều 72.5 Luật Các TCTD và Điều 157.11 Luật Doanh nghiệp

⁶⁹ Điều 157 Luật Doanh nghiệp

⁷⁰ Điều 153.4 Luật Doanh nghiệp

Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị⁷¹

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Tại cuộc họp này, Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Hội đồng Quản trị tiến hành họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
 - b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 1 (một) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc 2 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác của ABBANK;
 - e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị họp Hội đồng Quản trị quy định tại điểm b, c và d Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b, c và d Khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ABBANK; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên. Trường hợp họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây:

⁷¹ Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- a) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.
 - b) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó.
 - d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
 - e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp sau khi cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến kết thúc.
5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Người triệu tập họp có thể thông báo mời họp không theo thời hạn quy định thông thường ở trên trong các trường hợp cần quyết định gấp của Hội đồng Quản trị, sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Trường Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.⁷²

6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết theo phương thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, trừ các trường hợp không được phép ủy quyền quy định tại Khoản 6 Điều 54 Điều lệ này⁷³.
9. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị gửi ý kiến biểu quyết trước bằng văn bản, qua fax, thư điện tử thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp chậm nhất 1 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được công bố trước sự chứng kiến của những thành viên dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua ứng dụng phần mềm bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thì thực hiện theo quy định có liên quan của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁷⁴:
 - a) Nội dung cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép đầy đủ trong Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Diễn biến chi tiết nội dung cuộc họp có thể được

⁷² Điều 53.5 Luật Các TCTD; Điều 155.7 Luật Doanh nghiệp; Điều 30.7 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁷³ Điều 72.5 Luật Các TCTD và Điều 157.11 Luật Doanh nghiệp

⁷⁴ Điều 158 Luật Doanh nghiệp

ghi hình, ghi âm để lưu giữ dưới hình thức điện tử kèm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
- Mục đích, chương trình nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt ý kiến của thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết đối với các vấn đề cụ thể trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến và ý kiến khác (nếu có);
- Tổng hợp các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên tham dự cuộc họp.

b) Các thành viên dự họp có trách nhiệm ký tên xác nhận nội dung Biên bản họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị cùng ký tên vào một văn bản Biên bản họp hoặc một/một số thành viên có thể ký tên vào các văn bản khác nhau của Biên bản họp nhưng có cùng nội dung. Trường hợp thành viên có mặt dự họp từ chối ký Biên bản thì phải ghi rõ lý do.

c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Người ký Biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với ABBANK do từ chối ký Biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.⁷⁵

d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

⁷⁵ Điều 158 Luật Doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung ngày 22/4/2022)

- e) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Việc gửi Biên bản họp Hội đồng Quản trị có thể được thực hiện bằng cách gửi trực tiếp, qua thư, fax, thư điện tử (email).

Điều 57. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị trong trường hợp:
 - a) Cần có quyết định của Hội đồng Quản trị trong thời gian giữa hai cuộc họp Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và kinh doanh của ABBANK;
 - b) Pháp luật về các tổ chức tín dụng, về chứng khoán và thị trường chứng khoán, về doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK không yêu cầu bắt buộc thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
2. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng trong từng thời kỳ hoặc sự kết hợp của các hình thức trên. Việc gửi, nhận tài liệu, thông tin, ý kiến biểu quyết qua hình thức thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như việc gửi, nhận được thực hiện bằng văn bản thông thường.
3. Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, bằng thư điện tử (email) hay phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
4. Văn bản tổng hợp ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị và được lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng Quản trị.
5. Trình tự, thủ tục xin ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị theo Quy chế về thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị ban hành và áp dụng trong từng thời kỳ.

Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty⁷⁶

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp để hỗ trợ

⁷⁶ Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp; Điều 281.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 32 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ ABBANK trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ ABBANK trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 1 (một) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa ABBANK và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4: **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 59. Ban Kiểm soát⁷⁷

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của ABBANK có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận Kiểm toán Nội bộ, bộ phận giúp việc và được sử dụng các nguồn lực của ABBANK, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát⁷⁸:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

⁷⁷ Điều 51, Điều 52 Luật các TCTD; Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁷⁸ Điều 41.3 Luật Các TCTD.

- d) Có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Không phải là Người có liên quan của người quản lý ABBANK;
- f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK; Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 3 (ba) năm liền trước đó⁷⁹;
- g) Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- h) Thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁸⁰

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành ABBANK trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị ABBANK; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
2. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành quy định nội bộ khác của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành ABBANK; có quyền sử dụng các nguồn lực của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài quyền để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, đầy đủ, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp

⁷⁹ Điều 286.2 (a) và (b) Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁸⁰ Điều 52 Luật các TCTD; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 39 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

đồng, giao dịch khác của ABBANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành ABBANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của ABBANK, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc ABBANK, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
11. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, Người

có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK.
15. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
16. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ.
17. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.⁸¹
18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁸²

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
8. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các công việc được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Chỉ được uỷ quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể

⁸¹ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 39.7 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁸² Điều 53 Luật các TCTD; Điều 38 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

thực hiện nhiệm vụ.

11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát⁸³

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của ABBANK và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của ABBANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức họp trên hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử (email) hoặc bỏ phiếu điện tử.
2. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban Kiểm soát có xung đột lợi ích với vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không biểu quyết đối với vấn đề đó.

Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát:

⁸³ Điều 54 Luật các TCTD; Điều 287 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- a) Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức họp trên. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
- (i) Trưởng Ban Kiểm soát;
 - (ii) Hai thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - (iii) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - (iv) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - (v) Tổng Giám đốc;
 - (vi) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
- d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát dự họp.
- e) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ tại cuộc họp Ban Kiểm soát.⁸⁴
- f) Biểu quyết:
- (i) Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có quyền biểu quyết sẽ có một phiếu biểu

⁸⁴ Điều 40.2 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên đó không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện biểu quyết thay.

(ii) Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

g) Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát:

Việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát có thể thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử khác. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban Kiểm soát nếu:

- a) Được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đồng ý đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Văn bản lấy ý kiến, ý kiến biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và các tài liệu kèm theo có giá trị và được quản lý lưu giữ như biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát.

Mục 5:
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Tổng Giám đốc⁸⁵

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của ABBANK, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.
4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc⁸⁶:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 5 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - f) Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này.
5. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

⁸⁵ Điều 55, 56 Luật các TCTD; Điều 162.1 và 162.2 Luật Doanh nghiệp

⁸⁶ Điều 41.4 Luật Các TCTD

Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁸⁷

1. Tổng Giám đốc có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của ABBANK;
 - c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
 - d) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
 - e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
 - f) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của ABBANK;
 - g) Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị;
 - h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ABBANK;
 - i) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường;
 - j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của ABBANK, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - k) Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh ABBANK theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK;
 - l) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của ABBANK;
 - m) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
 - n) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động của ABBANK theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng, thỏa thuận, cam kết ký với ABBANK và quyết định của

⁸⁷ Điều 56 Luật các TCTD, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này mà gây thiệt hại cho ABBANK thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm theo pháp luật và phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho ABBANK.

Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý⁸⁸

1. Hệ thống quản lý của ABBANK phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của ABBANK.
2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng đơn vị Hội sở và các chức danh khác theo quy định của ABBANK. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên theo quy định do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của ABBANK⁸⁹:
 - a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, tùy theo chức danh bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây:
 - (i) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - (ii) Có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.
4. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Đơn vị trong ABBANK và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quy định tại Điều này.

⁸⁸ Điều 33, 34 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁸⁹ Điều 41.5 Luật Các TCTD

Mục 6:
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ⁹⁰

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
 - b) Yêu cầu tra cứu phải được báo trước tối thiểu 5 ngày làm việc; việc tra cứu được tiến hành trong giờ làm việc, tại văn phòng trụ sở chính của ABBANK. Trường hợp yêu cầu tra cứu do đại diện được ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông đưa ra phải kèm theo bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông có công chứng, chứng thực.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của ABBANK, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của ABBANK vì mục đích thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. ABBANK phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
4. Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Mục 7:
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 69. Người lao động và công đoàn⁹¹

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị ban hành

⁹⁰ Điều 61.5, Điều 61.6 Luật Các TCTD; Điều 49 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT_BTC

⁹¹ Điều 50 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

các Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động và người điều hành ABBANK.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của ABBANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất; quy định tại Điều lệ này, các quy chế của ABBANK và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Mục 1: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN

Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính⁹²

1. ABBANK tự chủ về tài chính.
2. Chế độ tài chính của ABBANK được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. ABBANK thực hiện các quy định chi tiết về chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận theo quy định của Chính phủ.
4. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quản lý tài chính; quy định về việc lập kế hoạch tài chính, việc bồi thường khi ABBANK bị tổn thất về tài sản.
5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong phạm vi chức năng của mình, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kiểm toán, kế toán của ABBANK.
6. Năm tài chính của ABBANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 71. Hạch toán kế toán⁹³

ABBANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên⁹⁴

⁹² Điều 149.1, Điều 151 Luật Các TCTD

⁹³ Điều 150 Luật Các TCTD

1. ABBANK phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.
2. ABBANK phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ABBANK công bố báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp đang được kiểm soát đặc biệt.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của ABBANK.
4. ABBANK phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. ABBANK phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 73. Kiểm toán độc lập⁹⁵

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng Cổ đông phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ABBANK.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK.

⁹⁴ Điều 152.1, Điều 154 Luật Các TCTD; Điều 55, 56 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁹⁵ Điều 59, Điều 67.3 (t) Luật các TCTD; Điều 57 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 74. Sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ an toàn và dự phòng rủi ro⁹⁶

1. Vốn của ABBANK bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật. ABBANK được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. ABBANK được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.
3. ABBANK phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định cụ thể của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% (tám phần trăm) hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
4. ABBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.
5. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của ABBANK thực hiện theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp đặc biệt việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ. Trong trường hợp ABBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của ABBANK.

⁹⁶ Điều 138, Điều 144, Điều 147 Luật Các TCTD

Mục 2:
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 75. Trích lập các quỹ⁹⁷

1. Hằng năm, ABBANK phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của ABBANK;
 - b) Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. ABBANK quản lý và sử dụng các quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK.

Điều 76. Chia cổ tức⁹⁸

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc chia cổ tức và mức cổ tức được chia trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
2. ABBANK trả cổ tức cho cổ đông bảo đảm các điều kiện sau:
 - a) Đã bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - b) Đã trích lập các quỹ bắt buộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - c) Không thuộc các trường hợp không được trả cổ tức, trả cổ tức bằng tiền mặt (trong trường hợp trả cổ tức bằng tiền) theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 157; điểm a Khoản 1 Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Ngay sau khi chi trả hết số cổ tức dự kiến, ABBANK vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. ABBANK trả cổ tức dựa trên các chính sách sau đây:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
 - b) Phù hợp với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ABBANK;

⁹⁷ Điều 148 Luật Các TCTD

⁹⁸ Điều 135 Luật Doanh nghiệp

- c) Minh bạch, công bằng và vì lợi ích tốt nhất của cổ đông;
 - d) Hòa giải giữa yêu cầu tích lũy nội tại của Ngân hàng và nhu cầu về cổ tức của cổ đông; giữa việc chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu phù hợp với chiến lược phát triển và tình hình thực tế của ABBANK trong từng thời kỳ.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.⁹⁹
 5. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn, hình thức trả và công bố thông tin về việc trả cổ tức phù hợp với quy định của pháp luật.
 6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hoặc kết hợp bằng tiền mặt và cổ phiếu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam, có thể được thực hiện bằng chuyển khoản tới tài khoản nhận cổ tức do cổ đông đã đăng ký với ABBANK hoặc chuyển khoản đến tài khoản thanh toán của cổ đông tại ABBANK nếu cổ đông không chỉ định tài khoản khác để nhận cổ tức. ABBANK không trả lãi hay hay một khoản tiền nào khác phát sinh liên quan tới cổ tức. Cổ đông có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân và chịu các chi phí chuyển tiền (nếu có) khi nhận cổ tức.
 7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
 8. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc này phù hợp với kết quả kinh doanh của ABBANK và các quy định pháp luật có liên quan.
 9. Hội đồng Quản trị xem xét, ban hành quy định cụ thể về chi trả cổ tức căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và các quy định của Điều lệ này.

Mục 3: **CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin¹⁰⁰

1. ABBANK cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định

⁹⁹ Điều 135.4 Luật Doanh nghiệp

¹⁰⁰ Điều 12 và Điều 13 Luật các TCTD.

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. ABBANK được trao đổi với các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông tin về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Khi thực hiện giao dịch với ABBANK, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.
4. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của ABBANK không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của ABBANK.
5. ABBANK phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của ABBANK theo quy định của Chính phủ. ABBANK không cung cấp thông tin khách hàng của ABBANK cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin

1. ABBANK có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh¹⁰¹ và phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.¹⁰²
2. ABBANK phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khác theo quy định của pháp luật.
3. ABBANK có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. ABBANK phải ban hành các văn bản nội bộ để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
5. Việc công bố thông tin phải đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu¹⁰³

1. ABBANK phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của ABBANK hoặc

¹⁰¹ Điều 12.2 Luật Các TCTD

¹⁰² Điều 152.2 Luật Các TCTD

¹⁰³ Điều 11 Luật Doanh nghiệp; Điều 49.4 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

địa điểm khác do ABBANK quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:

- a) Điều lệ ABBANK, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b) Quy chế quản lý nội bộ của ABBANK; Sổ đăng ký cổ đông;
 - c) Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế; Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
 - d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của ABBANK;
 - e) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông (kèm theo phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông), Hội đồng Quản trị; các quyết định của ABBANK; các báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - g) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - i) Hồ sơ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - j) Các thông tin, tài liệu quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ này và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu thực hiện theo quy định pháp luật.
 3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG V:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹⁰⁴

1. Bất cứ tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với ABBANK; hoặc

¹⁰⁴ Điều 62 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cấp cao do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được thông qua hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí khi giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

Điều 81. Tổ chức lại¹⁰⁵

1. Việc tổ chức lại ABBANK dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 82. Giải thể¹⁰⁶

1. ABBANK bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Khi hết hạn hoạt động mà ABBANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) ABBANK tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

¹⁰⁵ Điều 201 Luật Các TCTD; Điều 198 đến Điều 201 Luật Doanh nghiệp

¹⁰⁶ Điều 202 Luật Các TCTD; Các Điều từ 207 đến 212 Luật Doanh nghiệp

- d) Được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
2. Việc thanh lý tài sản khi giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt

1. Các trường hợp can thiệp sớm và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được can thiệp sớm thực hiện theo quy định tại Chương IX (từ Điều 156 đến Điều 161) Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Các trường hợp được kiểm soát đặc biệt và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Chương X (từ Điều 162 đến Điều 190) Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 84. Phá sản¹⁰⁷

Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà ABBANK vẫn mất khả năng thanh toán thì ABBANK phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản. Việc phá sản ABBANK được thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật về phá sản.

**CHƯƠNG VI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua và thay thế cho Điều lệ ABBANK (và các sửa đổi, bổ sung kèm theo) đã ban hành trước đây.
3. Các trường hợp được quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng về điều khoản chuyển tiếp thì thực hiện theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định bắt buộc áp dụng của pháp luật với quy định của Điều lệ này thì áp dụng theo quy

¹⁰⁷ Điều 203 Luật Các TCTD

định của pháp luật.

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, trừ trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin tại Điều lệ này theo đúng nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho ABBANK khi có phát sinh sẽ do Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý theo quy định hiện hành và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật của ABBANK chịu trách nhiệm hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ vào bản Điều lệ này mỗi khi phát sinh.

Điều 86. Điều khoản cuối cùng

- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của ABBANK.
- Điều lệ này gồm 06 chương, 86 điều, được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau, phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước và lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK.
- Bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu của 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua ngày tháng 4 năm 2025.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ABBANK

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ